

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HSST  
Ngày: 25/3/2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ÔNG LÊ VĂN XÔ.

*Các Hội thẩm nhân dân.*

ÔNG HOÀNG VĂN TÂM.

ÔNG LA MINH CÔNG.

***Thư ký phiên tòa:*** ÔNG VÕ MINH THẾ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Bình Thuận.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:*** ÔNG PHAN QUỐC KHÁNH – kiểm sát viên.

Ngày 25/3/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 07/2022/HSST ngày 24/02/2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HS ngày 11/3/2022 đối với bị cáo. Lê Hồng L – 1983. Tên gọi khác: không; sinh tại: Bình Thuận.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: khu phố A, phường B, thành phố Y, tỉnh Bình Thuận.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không.

Trình độ văn hoá: 6/12, Nghề nghiệp: không ổn định.

Con ông: Lê Hồng P – 1954 và bà: Nguyễn Thị D (chết).

Gia đình bị cáo có 05 anh, chị em; lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1987, bị cáo là con thứ ba.

Vợ: Võ Thị Mỹ N (chết). Có 02 người con: lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2008.

Tiền án; tiền sự: không.

Bị cáo bị lệnh “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**Những người tham gia tố tụng:**

***- Bị hại:***

Bà Châu Thị N – 1981. Trú: thôn E, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1/Bà NLQ 1 – 1990. Trú: thôn M, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận(có mặt).

2/Ông NLQ 2 – 1989. Trú: 14/2 thôn O, xã U, thành phố Y, tỉnh Bình Thuận(vắng mặt).

3/Ông NLQ 3 – 1987. Trú: Khu phố 3, phường J, thành phố Y, tỉnh Bình Thuận(vắng mặt).

4/Ông NLQ 4 – 1993. Trú: khu phố 7, phường B, thành phố Y, tỉnh Bình Thuận(vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án đối với hành vi của bị cáo Lê Hồng L được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 30/10/2021, Lê Hồng L đi bộ từ nhà của mình ở thành phố Y đến khu vực xã S, huyện H để tìm tài sản trộm cắp. Khi L đến trước nhà của Châu Thị N (sinh năm 1981, trú tại thôn E, xã S, huyện H) thì phát hiện trong hiên nhà của N có 01 xe mô tô hiệu Wave màu đen-bạc, biển số 86V2 - 3025 có gắn sẵn chìa khóa nên L lén lút đi vào căn nhà dắt xe mô tô biển số 86V2 - 3025 ra ngoài rồi nổ máy xe, chạy về nhà cất giấu. Đến khoảng 12 giờ ngày 31/10/2021, L đem xe mô tô biển số 86V2-3025 đến tiệm sửa xe của NLQ 4 (sinh năm 1993, trú khu phố 7, phường Lạc Đạo, thành phố Y), L nói với Bản là xe của người nhà, kẹt tiền nên nhờ bán giùm thì Bản đồng ý mua xe mô tô với giá 5.200.000 đồng. Sau khi mua được xe, Bản bán lại xe mô tô này cho NLQ 2 (sinh năm 1989, trú thôn O, xã U, thành phố Y) với giá 6.000.000 đồng. Phúc tiếp tục bán xe cho tiệm xe máy “Hùng Xipo” do NLQ 3 (sinh năm 1987, trú khu phố 3, phường J, thành phố Y) làm chủ với giá 6.300.000 đồng. Sau khi biết xe mô tô trên là do trộm cắp mà có thì Hùng đã giao nộp lại xe mô tô cho Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận định giá số 34/2021-HĐĐG ngày 06/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, kết luận: xe mô tô hiệu Wave, biển số 86V2-3025 trị giá 2.709.000 đồng.

Đối với NLQ 4 khi mua xe mô tô biển số 86V2-3025, bị cáo L nói với Bản là xe của người nhà, kẹt tiền nên nhờ bán giùm, Bản không biết là xe do trộm cắp mà có nên việc Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

### **\* Vật chứng của vụ án:**

Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã trả lại 01 xe mô tô hiệu Wave biển số 86V2-3025 cùng giấy tờ đăng ký xe cho chủ sở hữu Châu Thị N.

### **\* Về trách nhiệm dân sự:**

Bị hại Châu Thị N đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm phần dân sự.

NLQ 4 đã nhận lại số tiền 5.200.000đồng đã mua xe của bị cáo L.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKSHTN-HS ngày 24/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố Lê Hồng L về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ quyền công tố luận tội, tranh luận và phát biểu quan điểm xử lý vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Hồng L.

**Đề nghị Hội đồng xét xử:**

**Tuyên bố:** Lê Hồng L, phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

**Áp dụng:** khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

**Đề nghị xử phạt:** Lê Hồng L 06 tháng tù đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

**Vật chứng vụ án:** Xong

**Phản dân sự:** Xong

Tại phiên tòa bị cáo thống nhất quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, không tranh luận gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa bị hại thống nhất quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, không tranh luận gì thêm, không yêu cầu thêm phần dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa người có quyền lợi thống nhất quan điểm luận tội của Viện kiểm sát, không tranh luận gì thêm, không yêu cầu gì về phần dân sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện H, tỉnh Bình Thuận. Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận. Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy trình của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Hồng L khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định:

Có ý định trộm cắp tài sản nên vào khoảng 22 giờ 00 phút ngày 30/10/2021, bị cáo Lê Hồng L đi bộ từ nhà của mình đến khu vực xã S, huyện H lén lút lấy trộm 01 xe mô tô hiệu Wave màu đen-bạc, biển số 86V2 - 3025 của chị Châu Thị N đang để trong hiên nhà đem về nhà cất giấu. Đến khoảng 12 giờ ngày 31/10/2021, bị cáo L đem xe mô tô biển số 86V2-3025 đến tiệm sửa xe của NLQ 4, bị cáo L nói với Bản là xe của người nhà, kẹt tiền nên nhờ bán giùm thì anh Bản đồng ý mua xe mô tô với giá 5.200.000 đồng. Sau đó anh Bản bán lại xe mô tô này cho NLQ 2 với giá 6.000.000 đồng. Anh Phúc tiếp tục bán xe cho tiệm xe máy “Hùng Xipo” do NLQ 3 làm chủ với

giá 6.300.000 đồng. Sau khi biết xe mô tô trên là do trộm cắp mà có thì Hùng đã giao nộp lại xe mô tô cho Cơ quan điều tra.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 34/2021-HĐĐG ngày 06/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hàm Thuận Nam, kết luận: mô tô hiệu Wave biển số 86V2-3025 có trị giá là 2.709.000 đồng (Hai triệu bảy trăm lẻ chín ngàn đồng).

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo Lê Hồng L là cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

Hành vi của bị cáo Lê Hồng L là cố ý, đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 như nội dung cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo là công dân có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, để có tiền tiêu sài cho bản thân, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện bị cáo xem thường pháp luật, nên cần đưa ra xét xử bị cáo, để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời răn đe giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội, góp phần lập lại tình hình trật tự trị an ở địa phương.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như mức độ phạm tội của bị cáo để có mức hình phạt thích hợp tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại đã nhận lại tài sản và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đã khắc phục bồi thường xong. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần áp dụng cho bị cáo.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, gia đình bị cáo khó khăn vợ chết bị cáo có 02 con còn nhỏ, có nơi cư trú rõ ràng. Tạo điều kiện thuận lợi áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Đối với NLQ 4 khi mua xe mô tô biển số 86V2-3025, bị cáo L nói với Bản là xe của người nhà, kẹt tiền nên nhờ bán giùm, Bản không biết là xe do trộm cắp mà có nên việc Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

### **[3] *Vật chứng vụ án:***

Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã trả lại 01 xe mô tô hiệu Wave biển số 86V2-3025 cùng giấy tờ đăng ký xe cho chủ sở hữu Châu Thị N. Xét thấy đã xử lý xong.

### **[4] *Trách nhiệm dân sự:***

Bị hại Châu Thị N đã nhận lại tài sản. Tại phiên tòa bị hại không yêu cầu gì thêm phần dân sự.

Tại phiên tòa anh Bản, anh Phúc, anh Hùng là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tuy nhiên trong hồ sơ thể hiện anh Bản đã nhận lại số tiền

5.200.000đồng do bị cáo bồi thường và giữa anh Bản, anh Phúc, anh Hùng đã tự thỏa thuận bồi thường xong.

Xét thấy các thỏa thuận trên là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, sự tự nguyện thỏa thuận này không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên không đặt ra để xử lý nữa.

[5]**Về án phí:** bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên.**

## **QUYẾT ĐỊNH**

**TUYÊN BỐ:** Bị cáo Lê Hồng L, phạm tội: “**Trộm cắp tài sản**”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

**XỬ PHẠT:** Lê Hồng L 09(Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, thời gian được tính từ ngày tuyên án (25/3/2022).

Giao bị cáo Lê Hồng L cho UBND phường B, thành phố Y, tỉnh Bình Thuận giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục Lê Hồng L.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của luật thi hành án hình sự năm 2019.

Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Hồng L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo; bị hại; Chị Ngà là người có quyền lợi báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/3/2022). Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 262 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Xô**